TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 235/2018/DS-PT
Ngày: 28-6-2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**.

Các thẩm phán: Ông **Huỳnh Hiếu**.

Bà **Trần Thị Thu Hằng**.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Lê Thị Lĩnh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Châu Hồng N**, sinh năm 1958.

Đạ chỉ: Số 166, Ô 2, Khu 3, thị trấn C, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Hồ Thị N1**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 302B Nguyễn Ngọc Ba, Phường 6, T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị A (Nguyễn Thị Kim A)**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Anh, sinh năm 1958.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, chị Hồ Thị N1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Châu Hồng N trình bày: Bà N có cho bà A vay mượn tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, vào ngày 16/9/2014 âm lịch, bà N có cho bà A vay số tiền 6.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà A có viết biên nhận cho bà N. Hai bên không có thỏa thuận lãi suất cho vay mà chỉ có thỏa thuận: mỗi ngày bà A trả cho bà N 100.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nhưng từ khi vay tiền cho đến nay bà A vẫn không trả tiền cho bà N.

Lần thứ hai, vào ngày 10/10/2014 âm lịch, bà N có cho bà A vay số tiền là 20.500.000 đồng. Khi vay tiền, bà A có viết biên nhận cho bà N. Hai bên không có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền. Khi nào bà N cần tiền thì bà A sẽ trả tiền cho bà N.

Nay bà N yêu cầu bà A trả cho bà số tiền vốn 26.500.000 đồng. Bà N yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày bà A vay tiền cho đến ngày Tòa đưa vụ án ra xét xử. Bà N yêu cầu bà A trả vốn và lãi làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Trước đây, bà có hỏi mượn bà N số tiền 20.500.000 đồng. Bà có viết biên nhận nợ cho bà N, thời gian thì bà không nhớ rõ, 20.000.000 đồng là tiền bà nợ của bà N và 500.000 đồng là tiền bà N ứng tiền hụi cho bà. Sau đó, bà có đưa cho bà Nga 500.000 đồng.

Biên nhận 6.000.000 đồng là tiền lời của số tiền 20.000.000 đồng. Mỗi tháng bà phải trả cho bà N 1.000.000 đồng tiền lãi. Bà nợ bà N 06 tháng nên bà N yêu cầu bà viết biên nhận nợ 6.000.000 đồng.

Bà còn nợ bà N số tiền là 26.000.000 đồng và bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do hoàn cảnh của bà gặp khó khăn nên bà xin không trả lãi. Bà còn có tên thường gọi là Nguyễn Thị Kim A.

Bản án số 37/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quyết định: Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 688, 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Châu Hồng N.

Buộc bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Châu Hồng N số tiền là 34.094.375 đồng. Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/3/2018 bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà được trả cho nguyên đơn mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ và xin giảm lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Đã có cơ sở xác định bà N cho bà A vay số tiền 26.500.000đồng , bà A cũng thừa nhận số nợ này .Bản án sơ thẩm đã tuyên xử là có căn cứ , đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà A cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay 26.500.000đồng và trả lãi theo qui định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn thì cho rằng chỉ vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000đồng, còn 500.000đồng là tiền bà N ứng đóng tiền hụi, nên cộng chung là 20.500.000đồng , bà A viết biên nhận nợ bà N 20.500.000đồng . Đối với số tiền nợ 6.000.000đồng là xuất phát từ tiền lãi phát sinh của số tiền 20.000.000đồng . Nay bà N yêu cầu bà A trả một lần số tiền vay là 26.500.000đồng, tính lãi theo qui định từ lúc vay đến khi xét xử sơ thẩm . Bà A cho rằng hoàn cảnh hiện đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng và xin bỏ tiền lãi. Xét thấy, hợp đồng vay tiền giữa bà N và bà A thật sự phát sinh, bà N chứng minh bằng tờ biên nhận ghi ngày 16/9/2014 âm lịch với nội dung "*….tôi tên Nguyễn Thị K A có nhận số tiền là 6.000.000đồng (sáu triệu chẳn) …"* và biên nhận ghi ngày 10/10/2014 âm lịch có nội dung "*…Tôi tên Nguyễn Thị A. Có mượn của chị N 20.500.000(hai chục triệu năm trăm ngàn)…."*. Cả hai biên nhận này đều có chữ ký của bà A và được bà A thừa nhận có ký tên. Xét nội dung bản án sơ thẩm buộc bà A trả ngay cho bà N số tiền 34.094.375 đồng (gồm 26.500.000đồng vốn vay và 7.594.375đồng tiền lãi phát sinh) là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Bởi lẽ, số tiền bà N khởi kiện là số tiền vốn vay và lãi phát sinh, đã được bà A thừa nhận nợ tại các biên nhận nợ do bà N cung cấp. Tại

phiên tòa phúc thẩm bà A cũng xác định còn nợ bà N số tiền 26.500.000đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng và xin bỏ lãi, không được phía bà N đồng ý. Trong quá trình kháng cáo thì bà A cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Cho nên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, việc bà A cho rằng biên nhận ghi số tiền 6.000.000đồng là xuất phát từ tiền vay cũng không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ biên nhận này phát sinh trước tờ biên nhận nợ với số tiền 20.500.000đồng, phía bà N cũng không thừa nhận số tiền 6.000.000đồng là tiền lãi như bà A trình bày, bà A cũng không có chứng cứ gì để chứng minh .

[2] Về án phí phúc thẩm: Bà A phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 688, 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang ;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Hồng N.

Buộc bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Châu Hồng N số tiền là 34.094.375 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị A chậm thi hành việc trả tiền thì bà Anh còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị A phải chịu 1.705.000 đồng án phí dân sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà A đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm biên lai thu số 36363 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang được khấu trừ nên xem như bà A đã thực hiện xong tiền án phí phúc thẩm. Bà A phải nộp tiếp 1.705.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại bà Châu Hồng N số tiền tạm ứng án phí 821.500 đồng theo biên lai thu số 35626 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Đạt

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh hiếu **Nguyễn Ngọc Thái Dũng** **Trần Văn Đạt**